11:16 B8 - R 8-1

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date 8.27 | Board 1

WHITE Zhong Junrui | FED CHN | RESULT (W) 0
BLACK Meng Xiang Yi | FED HKG | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Bd3	Nd3+	41			61		
2	Nf3	d5	22	Qd3	a4	42			62		
3	Nc3	de	23	h5	a3	43			63		
4	Ne4	Nf6	24	Bc3	b4	44			64		
5	Qe2	Ne4	25	Ba1	a2	45			65		
6	Qe4	Nd7	26	h6	g6	46			66		
7	Bc4	Nf6	27	Qd4	e5	47			67		
8	Ne5	e6	28	Qf2	Qf5	48			68		
9	Qe2	Be7	29	Qf5	gf	49			69		
10	b3	Qc7	30	Rde1	e4	50			70		
11	Bb2	Bd7	31	Rhf1	Rb5	51			71		
12	0-0-0	0-0	32	Re3	Re8	52			72		
13	f4	a5	33	Re2	f4	53			73		
14	a4	Bd6	34	Rfe1	f3	54			74		
15	g4	Rb8	35	Re1	Re1	55			75		
16	Nd7	Qd7	36	Re4	f2	56			76		
17	g5	Nd5	37	g6	f1=Q+	57			77		
18	h4	Nf4	38	Kb2	Qb1#	58			78		
19	Qe4	b5	39			59			79		
20	ab	Cb	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Zhong Junrui | SIGNATURE (BLACK) Meng | SIGNATURE (ARBITER) YZ

11:16 B8 - R8 - 1

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 8 | Date 28/08/26 | Board 1

WHITE Zhong, Junrui | FED CHN | RESULT (W) 0
BLACK Meng, Xiangyi | FED HKG | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Bd3	Nxd3+	41			61		
2	Nf3	d5	22	Qxd3	a4	42			62		
3	Nc3	de	23	h5	a3	43			63		
4	Nxe4	Nf6	24	Bc3	b4	44			64		
5	Qe2	Nxe4	25	Ba1	a2	45			65		
6	Qxe4	Nd7	26	h6	g6	46			66		
7	Bc4	Nf6	27	Qd4	e5	47			67		
8	Ne5	e6	28	Qf2	Qf5	48			68		
9	Qe2	Be7	29	Qf5	gf	49			69		
10	b3	Qc7	30	Rde1	e4	50			70		
11	Bb2	Bd7	31	Rhf1	Rb5	51			71		
12	0-0-0	0-0	32	Re3	Re8	52			72		
13	f4	a5	33	Re2	f4	53			73		
14	a4	Bd6	34	Rfe1	f3	54			74		
15	g4	Rb8	35	Re1	Re1	55			75		
16	Nxd7	Qxd7	36	Rxe4	f2	56			76		
17	g5	Nd5	37	g6	f1=Q+	57			77		
18	h4	Nxf4	38	Kb2	Qb1#	58			78		
19	Qe4	b5	39			59			79		
20	ab	cb	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Zhong Junrui | SIGNATURE (BLACK) Meng | SIGNATURE (ARBITER) YZ

10:46 B8 R8-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U8 | Round 8 | Date 2026.8.28 | Board 2

WHITE Yuxiao tong | FED CHN | RESULT (W) 1
BLACK Fok chi son anderson | FED HKG | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qg4	Qf7	41	Qe3		61		
2	Nf3	d5	22	f5	Bc8	42			62		
3	Nc3	de	23	Be4	Ne7	43			63		
4	Ne4	Nf6	24	Ba8	Bf5	44			64		
5	Qe2	Ne4	25	Qf3	Qe6	45			65		
6	Qe4	Nd7	26	g4	Bg4	46			66		
7	Bc4	Nf6	27	Rg4	Qxe3	47			67		
8	Ne5	e6	28	Re4	Be5	48			68		
9	Qe2	b5	29	Re5	fe	49			69		
10	Bd3	Qc7	30	Qe8	Qf3	50			70		
11	b3	Be6	31	Qe7	Be5	51			71		
12	Bb2	0-0	32	—	Kg8	52			72		
13	c4	b4	33	Qd5	Kh7	53			73		
14	0-0	c5	34	Qf7	Qf7	54			74		
15	f4	Bb7	35	Qf7	Kh6	55			75		
16	Rg1	Nd5	36	Bg7	Kh5	56			76		
17	Rf1	f6	37	Qf4	g5	57			77		
18	Qe4	g6	38	Qf5	Ne7	58			78		
19	Ng6	hg	39	Qc5	Ng6	59			79		
20	Qg6	Kg7	40	Bf6	Ne5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Yuxiaotong | SIGNATURE (BLACK) Anderson | SIGNATURE (ARBITER) YZ

10:46 B8-R8-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U8 | Round 8 | Date | Board 2

WHITE Yu Xiaotong | FED CHN | RESULT (W) 1
BLACK Anderson Fok | FED HKG | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qg4	Qf7	41			61		
2	Nf3	d5	22	f5	Bc8	42			62		
3	Nc3	de	23	Be4	Ne7	43			63		
4	Ne4	Nf6	24	Ba8	Bf5	44			64		
5	Qe2	Ne4	25	Qf3	Qe6	45			65		
6	Qe4	Nd7	26	g4	Bg4	46			66		
7	Bc4	Nf6	27	Rg4	Rxb8	47			67		
8	Ne5	e6	28	Re4	Be5	48			68		
9	Qe2	b5	29	Bxb8	fe	49			69		
10	Bd3	Qc7	30	Qxe	Nd8	50			70		
11	b3	Bd6	31	Qe7	Be5	51			71		
12	Bb2	0-0	32	Kg2	Qd5	52			72		
13	d4	b4	33	Kh1	Rf7	53			73		
14	0-0	c5	34	Qxe	Qxe	54			74		
15	e4	Bb7	35	Kh2	Bg7	55			75		
16	Qg1	Nd5	36	Kh3	Qe4	56			76		
17	Qf1	f6	37	g5	Ne7	57			77		
18	Qe4	g6	38	Qc5	Ng6	58			78		
19	Ng6	hg	39	Bf6	Ne6	59			79		
20	Qg6	Kg7	40	Qxe		60			80		

SIGNATURE (WHITE) Yuxiaotong | SIGNATURE (BLACK) Anderson | SIGNATURE (ARBITER) YZ

11:23 B8-R8-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date 2026828 | Board 3

WHITE Wang shenglin | FED CHN | RESULT (W) 0

BLACK Mohd Nur Al sufi Muhd Ayub | FED Mas | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	f4	Bd3	41	Kc3	Ra3	61		
2	Nf3	d6	22	B×f5	R×b8	42	Kc4	Q	62		
3	d4	cd	23	b3		43	Kb5	Qd3	63		
4	N×d4	Nf6	24		g4	44	Kc5	Qd5	64		
5	Nc3	g6	25	Qd3	ab	45	Kb6	Rc3	65		
6	Be3	Bg7	26	cb	R×a2	46	b5	Qd6	66		
7	f3	Nc6	27	e5	Ra3	47	Kb7	Rc7	67		
8	Qd2	0-0	28	Bd1	de	48	~~Kb8~~	Qd8	68		
9	0-0-0	Bd7	29	Qd6	Rba8	49			69		
10	Kb1	a6	30	Qe5	Qf8	50			70		
11	g4	h5	31	Qb2	~~R×a2~~ Qc5	51			71		
12	gh	Nh5	32	Ra2	Qa5	52			72		
13	Be2	B×b5	33	~~B×b4~~	Ra1	53			73		
14	Rdg1	b4	34	Kc2	Qf5	54			74		
15	Nd5	e6	35	Kb3	Qd5	55			75		
16	Nc6 B×c6	N×b4 B×b7	36	Qb3	Qa2	56			76		
17	Bh6	Qb6	37	Qc2	Ra8	57			77		
18	B×g7	Q×g7	38	Kb2	Ra2	58			78		
19	Qe3	a5	39	Ra2	Qh1	59			79		
20	Nd3	Ba6	40	f5	Qg1	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wang shenglin | SIGNATURE (BLACK) Ayub | SIGNATURE (ARBITER)

11:23 B8-R8-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U08 | Round 8/9 | Date 28/8/26 | Board 3

WHITE Wang, Shenglin | FED ~~CHN~~ CHN | RESULT (W) 0

BLACK Muhd Ayub | FED Mas | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nd3	Ba6	41	Kc3	Ra3+	61		
2	Nf3	d6	22	f4	B×d3	42	Kc4	Q×c2	62		
3	d4	c×d4	23	B×h5	Rfb8	43	Kb5	Qd3	63		
4	N×d4	Nf6	24	b3	a4	44	Kc5	Qd5	64		
5	Nc3	g6	25	Q×d3	a×b3	45	Kb6	Rc3	65		
6	Be3	Bg7	26	c×b3	R×a2	46	b5	Qd6	66		
7	f3	Nc6	27	e5	Ra3	47	Kb7	Rc7	67		
8	Qd2	0-0	28	Bd1	d×e5	48	Kb8	Qd8#	68		
9	0-0-0	Bd7	29	Qd6	Rba8	49			69		
10	Kb1	a6	30	Q×e5	Qf8	50			70		
11	g4	h5	31	Qb2	Qc5	51			71		
12	g×h5	N×h5	32	Rg2	Qa5	52			72		
13	Be2	B5	33	B4	Ra1+	53			73		
14	Rdg1	B4	34	Kc2	Qf5	54			74		
15	Nd5	e6	35	Kc3	Qd5	55			75		
16	N×de	B×c6	36	Qb3	Q×g2	56			76		
17	N×b4	Bb7	37	Qc2	Rc8+	57			77		
18	Bh6	Qf6	38	Kb2	R×c2	58			78		
19	B×g7	Q×g7	39	B×c2	Q×h1	59			79		
20	Qe3	a5	40	f5	Qc1+	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wang shenglin | SIGNATURE (BLACK) Ayub | SIGNATURE (ARBITER)

12:25 B8-R8-4

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date 2026.8.28 | Board 4

WHITE Uilstuvshin Batbold | FED MGL | RESULT (W) 0

BLACK Liu Haoyang (CP) | FED CHN | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qb1	f5	41	Bh4	Ra3	61	Kh4	f2
2	Bf4	g6	22	f3	Rfd8	42	Bf2	Nc2	62	g6	f1=Q
3	e3	Bg7	23	Rfd1	Rc1	43	Bd4	Ne1	63	g7	Qf4
4	Nf3	d6	24	Qe1	Rc8	44	Be5	Kf6	64	Kh3	Qh6+
5	Nbd2	0-0	25	Qb1	Qc5	45	g4	Nd3	65		
6	Be2	c5	26	Bf2	Qc2	46	Bd4	Ra1	66		
7	c3	Nc6	27	e4	Na4	47	Kg2	Kg5	67		
8	0-0	cd	28	ef	Bf5	48	Kf3	Kf6	68		
9	cd	Nd5	29	Qc2	Bc2	49	Bb3	Ne5	69		
10	Bg3	Nb6	30	Rd1	Nb2	50	Kg3	Rg1	70		
11	Rd1	a6	31	Ne4	Bh6	51	Kf3	Nd3	71		
12	Nb3	e5	32	Rd1	Be4	52	Bg3	g5	72		
13	de	de	33	fe	Nc4	53	Bc2	Nf4	73		
14	Nfd2	Nb4	34	Bg4	Rc7	54	Bf4	gf	74		
15	a3	Nbd5	35	Bg3	Be3	55	e5	ke5	75		
16	Nc4	Qe7	36	Kh1	Bd4	56	Bh7	f3	76		
17	Qc2	Nc4	37	Rd1	b5	57	Bb3	Kd4	77		
18	Bc4	Nb6	38	Rd1	Ne3	58	Bf4	Rf1	78		
19	Be2	Be6	39	Be6	Kg7	59	Kg3	Ke3	79		
20	Nd2	Rac8	40	Re1	Rc3	60	g5	Rg1	80		

SIGNATURE (WHITE) Uilstuvshin MGL | SIGNATURE (BLACK) LiuHaoyang | SIGNATURE (ARBITER) YV

12:51 B8-R8-4

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 8 | Date 2026.8.28 | Board 4

WHITE Uilstuvshin Batbold | FED MGL | RESULT (W) 0

BLACK Liu Haoyang (CP) | FED ChN | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qb1	f5?	41	Bh4	Ra3	61	Kh4	f2
2	Bf4	g6	22	f3	Rfd8	42	Bf2	Nc2	62	f1Q	Kh3
3	e3	Bg7	23	Rfd1	Rc1	43	Bd4	Ne1	63	Qh6+	
4	Nf3	d6	24	Qe1	Rc8	44	Be5+	Kf6	64		
5	Nbd2	0-0	25	Qb1	Qc5	45	g4	Nd3	65		
6	Be2	c5	26	Bf2	Qc2	46	Bd6	Ra1	66		
7	c3	Nc6	27	e4	Na4	47	Kg2	Kg5	67		
8	0-0	cd	28	ef	Bf5	48	Kf3	Kf6	68		
9	cd	Nd5	29	Qc2	Bc2	49	Bb3	Ne5+	69		
10	Bg3	Nb6	30	Rd1	Nb2	50	Kg3	Rg1+	70		
11	Rd1	a6	31	Ne4	Bh6	51	Kh3	Nd3	71		
12	Nb3	e5	32	Re1	Be4	52	Bg3	g5	72		
13	de	de	33	fe	Nc4	53	Bc2	Nf4	73		
14	Nfd2	Nb4	34	Bg4	Rc7	54	Bf4	gf	74		
15	a3	Nbd5	35	Bg3	Be3	55	gf e5+	ke5	75		
16	Nc4	Qe7	36	Kh1	Bd4	56	Bh7	f3	76		
17	Qe2	Nc4	37	Rc1	b5	57	Bb3	Ke5	77		
18	Bc4	Nb6	38	Rd1	Ne3	58	Bf4	Rf1	78		
19	Be2	Be6	39	Be6+	Kg7	59	Kg3	Ke3	79		
20	Nd2	Rac8	40	Re1	Rc3	60	g5	Rg1	80		

SIGNATURE (WHITE) Uilstuvshin MGL | SIGNATURE (BLACK) LiuHaoyang | SIGNATURE (ARBITER) YV

13:24 B8-R8-5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date 8月28 | Board 5

WHITE Lichongyun | FED CHN | RESULT (W) 1
BLACK Qinziming | FED CHN | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qg4	f5	41		Rd6	61	Rc5	Re7
2	Nf3	Nc6	22	a3	Nc7	42		Re7	62	Re5	Ke6
3	c3	d5	23	g4	Nc1	43		Re8	63	Kd4	Ke7
4	ed	Qd5	24	a5	Qd8	44	Rd3	Qe4	64	Re7	Re8
5	d4	e6	25	Qe2	Qd8	45	Re4	fe	65	b4	b4
6	Be2	ed	26	Bh2						Ke5	Re6
7	cd	Nf6	27	Bg4	Nd4	47			67	Re5	Ke7
8	Nc3	Qd6	28	Rfc1	Qg4	48			68	Ke7	Re6
9	Qd4	Be7	29	Bd1	Qe8	49		Re5	69	Re4	Ke7
10	Nb5	a6	30	Qd2		50	Rd6	Re4	70	Re7	Ke6
11	Ng3	Bd6	31			51			71	Re7	Kd8
12	Ndb6	Qd6	32	Bc3	Nc7	52	Rd4	Ke6	72	Re7	Kc8
13	f4	Qd5	33	Bc6	Nc6	53	Ke2	Ke7	73	Re1	Kd8
14	Qf3	Qc4	34	Nc6	Re8	54	Ke3	Ke6	74		Re7
15	Bc4	Bd3	35	Qf4		55	Re4		75	Re7	Kd8
16	Bd3	f6	36			56			76	Ke7	Kc8
17	Be3	Nd5	37	Qe3	Qd7	57	f3	e5	77	Rd5	Kc7
18	Bd2	Qc6	38	Rc6	Qc6	58	f4	ef	78	Ke7	Re7
19	Bc1	Qd7	39	Re1	Re8	59	Ke4	e6	79	Ke4	Kc7
20	Bc3	Qe8	40	Qe7	Kf7	60	Ke4	Ke6	80	Ke5	Re8

SIGNATURE (WHITE) Lichongyun | SIGNATURE (BLACK) QinZiming | SIGNATURE (ARBITER) yz

13:24 B8-R8-5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date 8.28 | Board 5

WHITE Lichongyun Qinziming | FED | RESULT (W) 1
BLACK Qinziming | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	g4	h5	21			41			61		
2	Rg4	Kd7	22			42			62		
3	Kf4	Ke8	23			43			63		
4	Kg5	Kf7	24			44			64		
5	Kh6	Rf6	25			45			65		
6	Rh4	Ke6	26			46			66		
7	Kg5	Rf7	27			47			67		
8	Kg6	Ra7	28			48			68		
9	h4	Ra1	29			49			69		
10	Rg4	Re1	30			50			70		
11	h6	Re8	31			51			71		
12	h7	Kg6	32			52			72		
13	Kg7	Rh8	33			53			73		
14	Rg6	Kg5	34			54			74		
15	Rg6	Qh7	35			55			75		
16	Kh6	Rb8	36			56			76		
17	Rg6	Rh3	37			57			77		
18	Rg8	Rh7	38			58			78		
19	Kh7		39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Lichongyun | SIGNATURE (BLACK) Qin Ziming | SIGNATURE (ARBITER) yz

13:24 B8-R8-5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date 2026/8/28 | Board 5

WHITE Lichongyun | FED | RESULT (W) 1
BLACK Qin Ziming | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qg3		41			61	R95	Kf6
2	Nf3	Nc6	22	a3	Nc7	42		h4 Re7	62	Kd4	Kc7
3	c3	d5	23	g4	Nc6	43	Re3	Re8	63	b5	Re7
4	ed	Qd5	24	d5	Qd8	44	Rd3	Qe4	64	ba	ba
5	d4	e6	25	Qe2	Qe8	45	Qe4	fe	65	Kc5	Re6
6	Be2	cd	26	Bd2	Ncb4	46	Re3	Rd8	66	Rd5	Ke7
7	cd	Nf6	27	Bb4	Nb4	47	Ke4	Rd5	67	Kd4	Kf6
8	Nc3	Qd6	28	Rfc1	Qh5	48	b4	Rb5	68	Kd7	Rb7
9	0-0	Be7	29	Bd1	Qe8	49	d5	Rd5	69	Kc8	Re7
10	Nb5	Qb8	30	Qd2	Nd4	50	Kf1	Ke7	70	Kd8	Rg7
11	g3	Bd6	31			51	Rg4	Kf6	71	Kc8	Re7
12	Ndb6	Qd6	32	Bf3	Ne7	52	Ke2	Kf7	72	Kd8	Re5
13	f4	Qd5	33	Bc6	Nc6	53	Ke3	Kf6	73	Kc8	Re7
14			34	Nc6	Rc6	54	Kc4	Kd7	74	Kd8	Re5
15	B4	Qd8	35	Qb4	Qc8	55	Ke4	h5	75		Rb5
16	Bd3	h6	36	Qd2	Qc7	56	f3	e5	76		Kc7
17	Be3	Nd5	37			57	f4	ef	77	Kd4	Kd7
18	Bd2	Qb6	38	Rc6	Qc6	58	Kf4	e6	78	Ke4	Kc7
19	Be1	Bd7	39	Re1		59	Ke4	Ke6	79	Ke5	Rc6
20			40			60	Re5	Ke7	80	g4	h4

SIGNATURE (WHITE) Lichongyun | SIGNATURE (BLACK) QinZiming | SIGNATURE (ARBITER) yz

13:24 B8-R8-5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date 2026/8/28 | Board 5

WHITE Lichongyun | FED | RESULT (W) 1
BLACK QinZiming | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rg4	Kd7	21			41			61		
2	Kf4	Ke7	22			42			62		
3	Kg5	Kf7	23			43			63		
4	Kh6	Rf6	24			44			64		
5	Rb4	Ke6	25			45			65		
6	Kg5	Rf5	26			46			66		
7	Kg6	Ra5	27			47			67		
8	h5	Ra1	28			48			68		
9	Rg4	Rf1	29			49			69		
10	h6	Rf8	30			50			70		
11	h7	Kg6	31			51			71		
12	Kg7	Rh8	32			52			72		
13	Rg6	Kf5	33			53			73		
14	Ra6	Rb7	34			54			74		
15	Kh6	Rb6	35			55			75		
16	Rg6	Rh8	36			56			76		
17	Rg8	Kh7	37			57			77		
18	Kh7		38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Lichongyun | SIGNATURE (BLACK) Qin Ziming | SIGNATURE (ARBITER) yz

11:36 B8-R8-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date | Board 6

WHITE Archawin (Bxc5) | FED | RESULT (W) 1

BLACK Tse Hin Yi | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	b4	Bxc5	41	Bxe3	b1=Q	61		
2	c4	c6	22	bxc5	Rb8	42	Qxh3	Qg4	62		
3	e3	Bf5	23	Bxe4	Bxe4	43	Rxb1	Qe4	63		
4	Nc3	e6	24	Bb4	Qg6	44	Rb8+	Kh7	64		
5	Nf3	Nf6	25	Ra2	a5	45	Q mate		65		
6	Be2	Be7	26	Be1	Rb5	46			66		
7	0-0	0-0	27	Raf2	Rfb8	47			67		
8	a3	Nb7	28	Qd2	h5	48			68		
9	b3	Ne4	29	Qf4	R8b7	49			69		
10	Bb2	Bd6	30	h3	Rb3	50			70		
11	Ne1	Qh4	31	Kh2	Rxa3	51			71		
12	f4	Nf6	32	Qh4	a4	52			72		
13	Nf3	Qh6	33	Rb1	Rbb3	53			73		
14	Ne5	Nxc3	34	Re2	Re3	54			74		
15	Bxc3	Bxe5	35	Rb2	Rab3	55			75		
16	fxe5	Qxe5+	36	Ra2	a3	56			76		
17	Kh1	Ne4	37	Qf2	Bf5	57			77		
18	Be1	Qh6	38	Qh4	Bxh3	58			78		
19	Bd3	Rad8	39	Bf2	Rb2	59			79		
20	c5	b6	40	Rxb2	axb2	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Winter | SIGNATURE (BLACK) Tse Hin Yi | SIGNATURE (ARBITER)

11:36 B8-R8-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 9 | Date | Board 6

WHITE Archawin Koraviyotin | FED | RESULT (W) 1

BLACK Tse Hin Yi | FED | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qd6	c5 bxc5	41	Bxc3	b1=Q	61		
2	c4	c6	22	b4 Bxc5	Rb8	42	Qxb3	Qb4	62		
3	e3	Bf5	23	bxe4	Bxe4	43	Bxb1	Qe4	63		
4	Nc6	e6	24	bb4	Qg6	44	Rb8+	Kh7	64		
5	Nf3	Nf6	25	Ra2	a5	45	Qxh7#		65		
6	Be2	Be7	26	Be1	Rb5	46			66		
7	0-0	0-0	27	Raf2	Rfb8	47			67		
8	a3	Nbd7	28	Qd2	h5	48			68		
9	b3	Ne4	29	Qf4	R8b7	49			69		
10	bb2	Bd6	30	h3	Rb3	50			70		
11	Ne1	Qh4	31	Kh2	Rxa3	51			71		
12	f4	Nd+	32	Qh4	Q4	52			72		
13	Nf3	Qh6	33	Ra1	Rb3	53			73		
14	Ne5	Nxc3	34	Re2	Re3	54			74		
15	Bxc3	Bxe5	35	Rb2	Rb3	55			75		
16	fxe5	Qxe3	36	Ra2	a3	56			76		
17	Kh1	Ne4	37	Qf2	Bf5	57			77		
18	Be1	Qh6	38	Qh4	Bxh3	58			78		
19	Bd3	Rad8	39	Bf2	Rb2	59			79		
20	c5	b6	40	Rxb2	axb2	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Winter | SIGNATURE (BLACK) Tse Hin Yi | SIGNATURE (ARBITER)

11:02 B8-R8-7

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date 8月28日 | Board 7

WHITE XU YUNHAO | FED | RESULT (W) 0

BLACK SUSHIZXIU | FED | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qc7	Qxc7	41	Rd7+	Ke8	61		
2	c4	g6	22	Bxc7	h6	42	Re7+	kxe7	62		
3	g3	Bg7	23	e5	[illegible]	43	b6	Rb6	63		
4	Bg2	[illegible]	24	[illegible]	h5	44	a5	Rb8#	64		
5	Nf3	d6	25	Bxd5	Bxd5	45			65		
6	0-0	Nbd7	26	[illegible]	Re8	46			66		
7	Qc2	Re5	27	Rad1	Rc8	47			67		
8	d5	c6	28	Rd7	Bxe5	48			68		
9	Nc3	Nb6	29	Bxe5	Rxe5	49			69		
10	dxc6	bxc6	30	Rxa7	Re2	50			70		
11	c5	Nbd5	31	b4	Rcc2	51			71		
12	ch	Qxd6	32	b5	[illegible]	72					
13	Rd1	Qe6	33	Kf1	Rxh2	53			73		
14	Ng5	Qd7	34	Kg1	Rhg2+	74					
15	Nxf7	[illegible]	35	Kh1	Rh2+	55			75		
16	e4	d5	36	Kg2	Rg2+	Rgg2+			76		
17	f4	Bb4	37	Kf1	R h2+	57			77		
18	fe	Qxe5	38	Ke1	Rb2	58			78		
19	Bf4	Qb5	39	Rd8+	Kg7	59			79		
20	a4	[illegible]	40	Rxf7+	Kxf7	60			80		

SIGNATURE (WHITE) XU YUNHAO | SIGNATURE (BLACK) SUSHIZXIU | SIGNATURE (ARBITER) 1/2

11:02 B8-R8-7

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date | Board 7

WHITE XU YUNHAO | FED | RESULT (W) 0

BLACK SUSHIZXIU | FED | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qc7	Qxc7	41	Rc1	Kh8	61		
2	c4	g6	22	Bxc7	h6	42	b6	Rxb6	62		
3	g3	Bg7	23	e5	Nd5	43	a5	Rb6			
4	Bg2	0-0	24	Rxd4	Nxe5	44			64		
5	Nf3	d6	25	Bxd5	Bxd5	45			65		
6	0-0	Nbd7	26	Rxd5	Rfc8	46			66		
7	Qc2	e5	27	Rad1	Ra8	47			67		
8	d5	c6	28	Rd7	Bxe5	48			68		
9	Nc3	~~dxc6~~ Nb6		Bxe5	Rxe5	49			69		
10	dxc6	bxc6	30	Rxa7	Ke2	50			70		
11	c5	Nbd5	31	b4	Rcc2	51			71		
12	cxd6	Qxd6	32	b5	Rg2	52			72		
13	~~Rxd6~~	Re6	33	Kf1	Rxh2	53			73		
14	Ng5	Qc5	34	Kg1	Rh92	54			74		
15	Nxf7	Cxd5	35	Kh1	Rh2	55			75		
16	e4	d4	36	Kg1	Rc8	56			76		
17	f4	Bb7	37	Kf1	Rg8	57			77		
18	fxe5	Qxe5	38	Ke1	Rd8	58			78		
19	Bf4	Qb5	39	Rxf7	Kxf7	59			79		
20	a4	Qb6	40	Rd1	Ke6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) XU YUNHAO | SIGNATURE (BLACK) SUSHIZXIU | SIGNATURE (ARBITER) V

1/=46 B8 - R8 - 8

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date | Board 8

WHITE LiuYizhi | FED CHN | RESULT (W) 1

BLACK Aldarjavkhlan | FED MGL | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rfe1	Qd8	41	Kg2	Nh6	61	g4	Kh7
2	Qe2	d5	22	Qe3	Re8	42	Bh3	g4	62	g5	Kh8
3	ed	Qd5	23	Qf3	Ne4	43	Bg2	Nh6	63	Kf7	Kh7
4	Nc3	Qd8	24	Be7	Re7	44	fg	hg	64	g6	Kh8
5	Nf3	Bd7	25	Qe3	Kf8	45	h3	f5	65	g7	Kh7
6	d4	Be7	26	Qd3	Nf6	46	h4	Kb7	66	g8=Q	Kh6
7	d3	Nf6	27	Kf1	Re1	47	Kd3	Kc8	67	Qg7#	
8	Be3	Nd5	28	Re1	Qd6	48	Ke3	Kd7	68		
9	Nd5	ed	29	c4	Re8	49	Bf1	Ke6	69		
10	g3	a6	30	Ne8	Ke8	50	Bd6	Kf6	70		
11	Bg2	Bb5	31	c5	Qe6	51	Bc8	Ng8	71		
12	Qd2	Nd7	32	f3	Qc8	52	Bd6	Nd6	72		
13	a4	Bc6	33	Kf2	Qb6	53	Bd3	Ng8	73		
14	b3	Nf6	34	Qe3	Kd7	54	Kf4	Ne7	74		
15	Ne5	a5	35	Bh3	Kd8	55	h5	Ng8	75		
16	Nc6	bc	36	Ke1	Qd6	56	Bf5	Nh6	76		
17	0-0	Qb8	37	Kd2	h5	57	Bg4	Ng4	77		
18	Rd1	Qb4	38	Qd3	Qd3	58	Kg4	Kg7	78		
19	c3	Qb8	39	Kd3	g5	59	Kg5	Kh7	79		
20	Bg5	0-0	40	Bf5	Ng8	60	Kf6	Kh6	80		

SIGNATURE (WHITE) LiuYizhi | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER) YZ

1/=40 B8 - R8 - 8

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 8 | Date 2026.8.28 | Board 8

WHITE Liu, Yizhi | FED CHN | RESULT (W) 1

BLACK Aldarjavkhlakh, Jambaltsuren | FED ~~MGL~~ MGL | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Re1	Qd8	41	Kc3	Nh6	61	g4	Kh7
2	Qe2	d5	22	Qe3	Re8	42	Bh3	g4	62	g5	Kh8
3	ed5	Qd5	23	Qf3	Ne4	43	Bg2	Kc8	63	Kf7	Kh7
4	Nc3	Qd8	24	Be7	Re7	44	fg4	hg4	64	g6	Kh8
5	Nf3	Bd7	25	Qe3	Kf8	45	h3	f5	65	g7	Kh7
6	d4	Be7	26	Qd3	Nf6	46	h4	Kf7	66	g8Q	Kh6
7	a3	Nf6	27	Kf1	Re1	47	Kd3	Kc8	67	a6	
8	Be3	Nd5	28	Re1	Qd6	48	Ke3	Kd7	68		
9	Nd5	ed5	29	c4	Re8	49	Bf1	Ke6	69		
10	g3	a6	30	Re3	Ke8	50	Ba6	Kf6	70		
11	Bg2	Bb5	31	c5	Qe6	51	Bc8	Ng8	71		
12	Qd2	Nd7	32	f3	Qc8	52	Ba6	Nf6	72		
13	a4	Bc6	33	Kf2	Qb7	53	Bd3	Ng8	73		
14	b3	Nf6	34	Qc3	Ke1	54	Kf4	Ne7	74		
15	Ne5	a5	35	Bb6	Kd8	55	h5	Ng8	75		
16	Nc6	bc6	36	Ke1	Qa6	56	Bf5	Nh6	76		
17	0-0	Qb8	37	Kd2	h5	57	Bg4	Ng4	77		
18	Rb1	Qb4	38	Qd3	Qd3	58	Kg4	Kg7	78		
19	c3	Qb8	39	Kd3	g5	59	Kg5	Kh7	79		
20	Bg5	0-0	40	Bf5	Ng8	60	Kf6	Kh6	80		

SIGNATURE (WHITE) LiuYizhi | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

11:06 B8 - R8 - 9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08
Round 8
Date
Board 9

WHITE Choi Jaeha FED KOR RESULT (W) 1
BLACK Tushig Uuganbaatar FED MGL RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ra1	Rc8	41	Bd4	Kg7	61	Kd7	Kb7
2	c3	Nf6	22	Kf3	Nxd4+	42	Rg7+	Kh6	62	Kd8	Ka7
3	e5	Nd5	23	Qxg8+	Qxc8	43	Re7	Kg5	63	Ke8	Kd6
4	d4	cxd4	24	Rxg8+	Bxg8	44	Rxe6	f4	64	Kf8	Ke6
5	cxd4	e6	25	Bxa8	Nf5	45	Re5+	Kg6	65	Kg8	Kf6
6	Nf3	d6	26	Rc3	Bd7	46	b5	NC4	66	Kf8	Ka8#
7	Bc4	Nb6	27	Be4	g5	47	Rc5	Na5	67		
8	Bd3	dxe5	28	Bxf5	exf5	48	b6	Nb7	68		
9	dxe5	Be7	29	Be3	b6	49	Rc7	Na5	69		
10	0-0	0-0	30	Bc5	Bd8	50	b7	Nxb7	70		
11	Nc3	Nc6	31	Nd7	Be6	51	Rxb7	f3	71		
12	a3	Qc7	32	Nxe6	fxe6	52	gxf3	gxf3	72		
13	Re1	Kd8	33	Ba6	Nd7	53	Kb5	h4	73		
14	Qc2	h6	34	Rd3	Ne5	54	Kf1	h3	74		
15	Be3	Nd7	35	Rxd8+	Kxd7	55	Ke1	Kf7	75		
16	Bf4	h6	36	Rd6	g4	56	Kb6	Ke7	76		
17	Nb5	axb5	37	axa6	h5	57	Kd2	Kc3	77		
18	b4	g6	38	Kb6	Nc4	58	Kc7	Kc4	78		
19	Bf4	Nb8	39	Kb5	Nxa3	59	Kd7	Kc6	79		
20	Nd4	Be7	40	Kb7	Kf6	60	Ke7	Kd5	80		

SIGNATURE (WHITE) Choi Jaeha
SIGNATURE (BLACK) Tushig
SIGNATURE (ARBITER)

11:06 B8 - R8 - 9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08
Round 8
Date 9/18
Board 9

WHITE Choi Jaeha FED KOR RESULT (W) 1
BLACK Tushig FED MGL RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ra1 Ra8	41	Kg5	Rg7+	61	Rg7+	Kh6 d8	
2	c3	Nf6	22	Bd3 Nd4	42	Kh6	Rg7	62	Rd7	Ne6	
3	e5	Nd5	23	Qxd8+ Rxd8	Kg5	Kf6	63	Kg6	Kf8		
4	d4	cxd4	24	Rxc8+ Bxc8	f4	Kg5	64	Kf6	Kg8		
5	Cxd4	e6	25	Bxd8 Nf5	Kg6	f5	65	Kf6	Kf8		
6	Nf3	d6	26	Rc3 Bd7	46	Nc4	Re6	66	Ra8#		
7	Bc4	Nf6	27	Bxf5 Bxf5	47	Na5	b6	67			
8	Bd3	dxe5	28	Bxf5 Bd3	48	Nb7	Rc4	68			
9	dxe5	Bf5	29	b5	Bc5	49	b7	Nxb7	69		
10	0-0	0-0	30	Bd6 Bd4	50	Rxb7	f3	70			
11	Nc3	Nc6	31	Bb8	Nxb8	51	gxf3	gxf3			
12	a3 Rc4	32	fxe6	Ba4	52	Rb5	h4	72			
13	Rd1 Qc7 Rd8	Nd4	Ra5	53	Kf4	h3	73				
14	Qc2	h6	34	Nxd5	Rxd8	54	Ke1	Kf7	74		
15	Bc3	Nd4	35	Kf7	Ra8	55	Rb8	Kf6	75		
16	Bf4	b6	36	d4	Rxa6	56	Kd2	Kg7	76		
17	Qb3 Ba6 Qb7	h5	Re5	57	Kc3	Kf7					
18	Qb4	a6	38	Nc4	Rxb5	58	Kc4	Kg7	78		
19	Bg4	Nb8	39	Nxa3	Rb4	59	Kc5	Kf7	79		
20	Na4	Ba7	40	Nc5	Bc4	60	Kd5	Kg7	80		

SIGNATURE (WHITE) Choi Jaeha
SIGNATURE (BLACK) Tushig
SIGNATURE (ARBITER)

11:21 B8-R8-10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B8 | Round: 8 | Date: 2026/8/28 | Board: 10

WHITE	xie jin yan	FED CHN	RESULT (W) 0
BLACK	Brandon	FED	RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 1:30'	c5 1:30'	21	a4 1:18'	Nc4 1:29	41	Kb2	Be1	61		
2	c3 1:31'	d6 1:30'	22	Ka2 1:31'	Nd2! 1:29	42	Kc2	BC3	62		
3	d3 1:28'	d4 1:29	23	Nd2 1:11'	BRd2 1:29'	43	Kb1	Kb3	63		
4	d4 1:28	Bd11:29	24	e5 8'	Rd2 1:29	44	Kc1	Kxa4	64		
5	Kd2 1:28	Nc6 1:30	25	ef 8'	Bd6 1:30'	45	Kc2	Kb4	65		
6	Bc4 1:28'	N 1:29	26	Rf3 7'	Bf4	46	Kb1	Kb3	66		
7	Bd3 1:28	Bg4 1:28	27	Rb1	c4	47	Kc1	a4	67		
8	Ne2 1:28	0-0-0 1:28'	28	Ka3	Rd2	48	Kxd2!	a3	68		
9	Kc2 1:27	Nf6 1:27	29	Ka2	Rdf2	49	h4	a2	69		
10	Nf4 1:7'	g5 1:27'	30	Rf2	Rf2	50	hg	a1=Q	70		
11	Ng6 1:27'	Ng3 1:27'	31	Re1	Kd7	51	Ke2	Qe1	71		
12	Nf6 6!	ef 1:27	32	Re7	Kc6	52	Kf3	Bg2	72		
13	f3 5-2'	Nc1 1:27	33	Rf7	Be5	53	g6	Qe3 Kg2	73		
14	fg 4'	Nd3 1:28	34	Rh7	Bf6	54	Re1	Q7	74		
15	Rf1	Be7 1:28'	35	Rf7	B d4	55	Qg3	Kh1	75		
16	Nd2 4:2'	Ne5	36	Rf2	Bf2	56	Qg4	Q8=Q	76		
17	Nf3 4:2	Rd6 1:27'	37	b3	Kc5	57	Q g8	Kh2	77		
18	N03 3'	b6 1:28	38	Kb2	Bh4	58	Bf2	1Kh1	78		
19	Rc1 3'	Rhd8 1:28	39	Kc2	Kd5	59	Qg1		79		
20	Kb1 3 4:28		40	bc	Kc4	60			80		

SIGNATURE (WHITE): xiejinyan | SIGNATURE (BLACK): Brandon | SIGNATURE (ARBITER): yz

11:21 B8-R8-10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: B8 | Round: 8 | Date: 26/7/26 | Board: 10

WHITE	Xie, Jinyan	FED CHN	RESULT (W) 0
BLACK	Brandon	FED SGP	RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	a4	Nc4	41	Kb2	Be1	61		
2	c3	d5	22	ka2	Nd2	42	kc2	BxG3	62		
3	d3	dxe4	23	Nxd2	Rxd2	43	kb1	kb3	63		
4	dxe4	Qxd4	24	e5	Rxg2	44	kc1	kxa4	64		
5	kxd1	Nc6	25	exf6	Bd6	45	kc2	kb4	65		
6	Bc4	Nf6	26	Rf3	Bf4	46	kb1	kb3	66		
7	Bd3	Bg4	27	Rb1	c4	47	kc1	a4	67		
8	Ne2	0-0-0	28	ka3	Rd2	48	kd1	a3	68		
9	kc2	Ne5	29	ka2	Rdf2	49	h4	a2	69		
10	Nf4	g5	30	Rxe2	Rxf2	50	hxg5	a1=Q+	70		
11	Nb5	Nxd3	31	Re1	kd7	51	ke2	Qe1+	71		
12	Nxf6	exf6	32	Re7	kc6	52	kf3	Bd2+	72		
13	f3	Nxc1	33	Rxf7	Be5	53	g6	Qe3+	73		
14	fxg4	Nd3	34	Rxh7	Bxf6	54	kg2	Be1	74		
15	Rf1	Bg7 Be1	35	Re6	Bd4	55	g7	Qg3+	75		
16	Nd2	Ne5	36	Rxf2	Bxf2	56	kh1	Qxg4+	76		
17	h3	Rd6	37	b3	kc5	57	g8=Q+	Qxg8	77		
18	Nb3	b6	38	kb2	Bh4	58	kh2	Bf2	78		
19	Rac1	Rhd8	39	kc2	kd5	59	kh1	Qg1#	79		
20	kb1	a5	40	bxc4+	kxc4	60			80		

SIGNATURE (WHITE): xiejinyan | SIGNATURE (BLACK): Brandon | SIGNATURE (ARBITER): yz

11:24 B8-R8-11

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B08 | Round 8 | Date | Board 11

WHITE Balthazar | FED HKG | RESULT (W) 1/2

BLACK Bilgunbayar, Ngamsuren | FED MGL | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ne4+	Kd7	41	[illegible]	X65	61		
2	Nf3	Nc6	22	Rad1+	Kc8	42	g3	c4	62		
3	d4	xd4	23	Neg5	Bxf3	43	b4	g5	63		
4	Bc4	Bc5	24	Nxf3	b6	44	Xg5	Kxg5	64		
5	c3	d3	25	Nd4	Nxd4	45	Kg2	Kg4	65		
6	Qxd3	Nf6	26	Rxd4	[illegible]R8	46	Kf2	Kg5	66		
7	e5	Ng4	27	Rxd8	Kxd8	47	Kf3	Kf5	67		
8	Bxf4	Kxf7	28	Kh2	Kd7	48	Kf2	Ke4	68		
9	Qd5+	Ke8	29	Re5	g6	49	Ke2	Kf5	69		
10	Qxc5	Qe7	30	Rg5	Rg8	50	Kf3	Kg5	70		
11	Qxe7	Kxe7	31	Kg3	Ke6	51	Kg2	Kg4	71		
12	Bf4	Rf8	32	f4	Kf6	52	Kf2	Kg5	72		
13	Bg3	h5	33	Rd5	Re8	53	Kf3	Kf5	73		
14	h3	Nh6	34	Kf2	c6	54	Kf2	Kg4	74		
15	0-0	Nf5	35	Rd6+	Re6	55	Kg2	Kg5	75		
16	Bh2	d5	36	Rxe6+	Kxe6	56	Kf3	Kf5	76		
17	e.p.	Nxd6	37	Ke3	Kf5	57	Kf2	Kg5	77		
18	Bxd6+	Kxd6	38	Kf3	a6	58	Kf3	Kf5	78		
19	Re1	Bxh3	39	a4	c5	59	Kf2	Kg4	79		
20	Nb2	Bg4	40	b3	b5	60	Kg2	Kf5	80		

SIGNATURE (WHITE) Balthazar | SIGNATURE (BLACK) Bilgunbayar | SIGNATURE (ARBITER)

11:24 B8-R8-11.

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U8 | Round 8 | Date 2026.8.28 | Board 11

WHITE Chow, Balthazar Sarek | FED HKG | RESULT (W) 1/2

BLACK Bilgunbayar, Ngamsuren | FED MGL | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ne4	Kd4	41	b5	a6	61		
2	Nf3	Nc6	22	Rd1	Kc3	42	a6	g3	62		
3	d4	ed	23	Ng5	Bf3	43	c4	b4	63		
4	Bc4	Bc5	24	Nf3	b6	44	g5	fg	64		
5	c3	d3	25	Nd4	Nb4	45	Kg5	Kg3	65		
6	Qb3	Nf6	26	Rd4	Rd8	46	Kg4	Kf2	66		
7	e5	Ng4	27	Rd8	Kb8	47	Kf5	Kf3	67		
8	Bf7	Kf7	28	Kh2	Kd7	48	Kf5	Kf2	68		
9	Qd5	Ke8	29	Rf8	g6	49	Ke4	Ke2	69		
10	Qc5	Qe7	30	Bg5	Kg8	50	Kf5	Kf3	70		
11	Qe4	Ke4	31	Kg3	Ke6	51	Kg5	Kg3	71		
12	Bf4	Kf8	32	f4	Kf6	52	Kg4	Kf2	72		
13	Bg3	h5	33	Rd5	Re8	53	Kg5	Kf3	73		
14	h3	Nh6	34	Kf2	c6	54	Kf5	Kf2	74		
15	0-0	Nf5	35	Rd6	Re6	55	Kg4	Kg2	75		
16	Bh2	d5	36	Kf6	Ke6	56	Kg5	Kf3	76		
17	ed	Nd6	37	Ke3	Kf5	57	Ke5	Kf3	77		
18	Bd6	Kd6	38	Kf3	a6	58	Kg5	Kf3	78		
19	Re1	Bh3	39	b4	c5	59	Kf5	Kf2	79		
20	Nd2	Bg4	40	b3	b5	60	Kg4	Kg2	80		

SIGNATURE (WHITE) Balthazar | SIGNATURE (BLACK) Bilgunbayar | SIGNATURE (ARBITER)

10:42 B8-R8-12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date | Board 12

WHITE Ryengjirachupatn nantat FED THA RESULT (W) 0

BLACK Jayden FED SGP RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	b5	Rae8	41	Be4	Nh4+	61		
2	Nf3	Nc6	22	Rfe4	Rf6	42	Kf1	f3	62		
3	Bc4	Nf6	23	Bb2	Rh6	43	Nd5	e2+	63		
4	Ng5	d5	24	Kg3	e3	44	Kf2	Ng2	64		
5	exd5	Na5	25	d3	Ree6	45			65		
6	Bf5+	c6	26	Kf2	Kh8	46			66		
7	dxc6	bxc6	27	Nc3	Rg4	47			67		
8	Bd3	Ng4	28	Be3	Nd6	48			68		
9	Ne4	f5	29	Rg1	Reh6	49			69		
10	Ng3	Bc6	30	Ra3	Rxf4	50			70		
11	0-0	Qh4	31	Nd5	Rd4	51			71		
12	h3	Nxf2	32	Bxd4	cxd4	52			72		
13	Rxf2	Qxg3	33	c3	dxc3	53			73		
14	Qf3	axf3	34	Nxc3	f4	54			74		
15	gxf3	0-0	35	Rg4	Bxg4	55			75		
16	Kf1	Bxf2	36	Bxg4	Rf6	56			76		
17	Kxf2	c4	37	Bf3	Kg8	57			77		
18	Be2	Bd7	38	Nd5	Rf7	58			78		
19	b4	Nb7	39	Nc3	Kf8	59			79		
20	a4	c5	40	Kg2	Ne5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) Jayden | SIGNATURE (ARBITER)

10:42 B8-R8-12

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date | Board 12

WHITE Nantat Ruengjirachupatn FED THA RESULT (W) 0

BLACK Lee Jia Le Jayden FED SGP RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	b5	Rae8	41	Be4	Nh4	61		
2	Nf3	Nc6	22	f4	Rf6	42	Kf1	f3	62		
3	Bc4	Nf6	23	Bb2	Rh6	43	Nd5	e2	63		
4	Ng5	d5	24	Kg3	e3	44	Kf2	Ng2	64		
5	exd5	Na5	25	d3	Ree6	45			65		
6	Bb5	c6	26	Kh2	Kh8	46			66		
7	dxc6	bxc6	27	Nc3	Rg4	47			67		
8	Bd3	Ng4	28	Bf3	Nd6	48			68		
9	Ne4	f5	29	Rg1	Ree6	49			69		
10	Ng3	Bc4	30	Rag3	Rxf4	50			70		
11	e0	Qh4	31	Ne5	Rdf6	51			71		
12	h3	Nxf2	32	Bxd4	cxd4	52			72		
13	Rxf2	Qxg3	33	c3	dxc3	53			73		
14	Qf3	Qxf3	34	Nxc3	f4	54			74		
15	gxf3	0-0	35	g4	Bxg4	55			75		
16	Kf1	Bxf2	36	Bxg4	Rf6	56			76		
17	Kxf2	e4	37	Bf7	Kg8	57			77		
18	Be2	Bd7	38	Nd5	Rf7	58			78		
19	b4	Nb7	39	Nc3	Kf8	59			79		
20	a4	c5	40	Kf2	Nf5	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) Jayden | SIGNATURE (ARBITER)

10:58 B8 - R8 - 13

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date Aug 28/26 Fri | Board 13

WHITE	Paredes Orionkit	FED PHI	RESULT (W) 0
BLACK	Jiang yanwen	FED CHN	RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bd5	Rh6	41	Bc7	c3	61		
2	Nf3	e6	22	Bg4	Qh4	42	Bd6	c2	62		
3	Bf4	d5	23	Bg3	Qe7	43	Ke5	c1=Q	63		
4	e3	Be7	24	f3	exf3	44	Kxd5	Rd3	64		
5	Bd3	c5	25	Rxf3	e5	45	g4	Rxe3	65		
6	c3	Qb6	26	Raf1	Bxg4	46	Bf4	Kf7	66		
7	Qc2	c4	27	Rf8	Rxf8	47	h6	gxh6	67		
8	Be2	O-O	28	Rxf8	Qxf8	48	gxh6	Kg6	68		
9	h3	Nc6	29	Qxg4	e4	49	Be3	Qxe3	69		
10	O-O	Ne4	30	Bf4	Rc6	50	Kg5	Kd5	70		
11	Nbd2	f5	31	h4	Qf6	51	Kf4	Kc4	71		
12	Ne5	Nxe5	32	Kh3	Qe6	52	Kg6	d5	72		
13	Bxe5	Bh4	33	Be5	Qxg4	53	Kf6	Kc5	73		
14	Nxe4	fxe4	34	Kxg4	Rb6	54	Qd3	Kxb6	74		
15	Bg4	Qc8	35	g3	Rxb2	55	Kxd5	Kxg5	75		
16	Qe2	Qg5	36	Qb6	Kc2	56	Qb3	Kg6	76		
17	g3	h5	37	Bd6	g6	57	Kc5	g5	77		
18	Bxh5	g6	38	h5	g5	58	Kc6	Ka7	78		
19	Kh2	Bxg3	39	Bd6	Rxc3	59	Qb7		79		
20	Bxg3	Kf6	40	Kf4	Rb3	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) Jiang Yanwen | SIGNATURE (ARBITER)

10:58 B8 - R8 - 13

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round 8 | Date | Board 13

WHITE	Paredes Orionkit	FED PHI	RESULT (W) 0
BLACK	Jiangyanwen	FED CHN	RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Re5	Rh6	41	Bc7	c3	61		
2	Nf3	e6	22	Bg4	Qh4	42	Bd6	c2	62		
3	Bf4	d5	23	Bg3	Qe7	43	Ke5	c1=Q	63		
4	e3	Be7	24	f3	ef	44	Kxd5	Kg6	64		
5	Bd3	c5	25	gxf3	e5	45	g4	Rxe3	65		
6	c3	Qb6	26	Raf1	Bxg4	46	Bf4	Ke7	66		
7	Qc2	c4	27	Rf8	Rxf8	47	h6	g4	67		
8	Be2	O-O	28	Rxf8	Qxf8	48	Bxh6	Kf6	68		
9	h3	Nc6	29	Qxg4	e4	49	Be3	Qxe3	69		
10	O-O	Ne4	30	Bf4	Rc6	50	Ke5	Kd5	70		
11	Nbd2	f5	31	h4	Qf6	51	Kf4	Kc4	71		
12	Ne5	Nxe5	32	Kh3	Qe6	52	Kg6	Kc5	72		
13	Bxe5	Bh4	33	Be5	Qxg4	53	Kf6	Kc5	73		
14	Nxe4	fxe4	34	Kxg4	Rb6	54	Qb3	Kxb6	74		
15	Bg4	Qc8	35	g3	Rxb2	55	Kxd5	Kxg5	75		
16	Qe2	Qg5	36	Qb6	Kc2	56	Qb3	Kg6	76		
17	g3	h5	37	Bd6	g6	57	Kc5	g5	77		
18	Bxh5	g6	38	h5	g5	58	Kc6	Ka7	78		
19	Kh2	Bxg3	39	Bd6	Rxc3	59	Qb7		79		
20	Bxg3	Kf6	40	Kf4	Rb3	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) Jiangyanwen | SIGNATURE (ARBITER)

9:33 B8 -R8-14

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group U8 | Round 8 | Date 28th Aug | Board 14

WHITE Hori Lihito | FED JPN | RESULT (W) 1/2

BLACK Tsin, pui sing jonathan | FED HKG | RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d4	21	*hxg3	Qxg3	41			61		
2	d5	exd5	22	Kh1	½-½	42			62		
3	Cxd5	Nc3	23			43			63		
4	Nf6	[illegible]	24			44			64		
5	Bf4	Bf5	25			45			65		
6	Bb5	~~N~~Nd7	26			46			66		
7	Nf3	e6	27			47			67		
8	a3	a6	28			48			68		
9	Ba4	Be7	29			49			69		
10	Ne5	0-0	30			50			70		
11	0-0	b5	31			51			71		
12	Nxd7	Qxd7	32			52			72		
13	Bb3	Bd6	33			53			73		
14	Bxd6	Qxd6	34			54			74		
15	a4	bxa4	35			55			75		
16	Nxa4	Ng4	36			56			76		
17	g3	Nf6	37			57			77		
18	Nc5	Be4	38			58			78		
19	Nxe4	Nxe4	39			59			79		
20	~~#~~f3	Nxg3	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Hori Lihito | SIGNATURE (BLACK) Jon | SIGNATURE (ARBITER) YZ

9:33 B8 - R8 - 14

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group B8 | Round R8 | Date | Board 14

WHITE T8 Hori Lihito | FED | RESULT (W) 0.5

BLACK Johathan | FED | RESULT (B) 0.5

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	hxg3		41			61		
2	d4	d5	22			42			62		
3	exd5	Cxd5	23			43			63		
4	Nc3	Nf6	24			44			64		
5	Bf4	Bf5	25			45			65		
6	Bb5	Nbd7	26			46			66		
7	Nf3	e6	27			47			67		
8	a3	a6	28			48			68		
9	Ba4	Be7	29			49			69		
10	Ne5	0-0	30			50			70		
11	0-0	b5	31			51			71		
12	Nxd7	Qxd7	32			52			72		
13	Bb3	Bd6	33			53			73		
14	Bxd6	Qxd6	34			54			74		
15	a4	bxa4	35			55			75		
16	Nxa4	Ng4	36			56			76		
17	Nf6	Nc5	37			57			77		
18	Nc5	Be4	38			58			78		
19	Nxe4	Nxe4	39			59			79		
20	f3	Nxg3	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Hori Lihito | SIGNATURE (BLACK) Jon | SIGNATURE (ARBITER) YZ